

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX- PVC

Tầng 1, tòa nhà CT2A, Khu ĐTM Cổ Nhuế, phường Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

ĐT: (043)7875938 - FAX: (043)7875937 - Email: Vinaconex.pvc@gmail.com

Mã số thuế: 0102141289

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III và 9 tháng đầu năm 2016

Hà nội, tháng 10 năm 2016



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX- PVC

Tầng 1, tòa nhà CT2A, Khu ĐTM Cổ Nhuế, phường Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

ĐT: (043)7875938 - FAX: (043)7875937 - Email: Vinaconex.pvc@gmail.com

Mã số thuế: 0102141289

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III và 9 tháng đầu năm 2016

Hà nội, tháng 10 năm 2016

14
VG
PH
XÃ
ONE
EM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		823.381.294.437	796.592.018.309
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	19.889.872.786	15.593.079.305
Tiền	111		19.889.872.786	13.593.079.305
Các khoản tương đương tiền	112		-	2.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4	602.698.400	1.807.834.000
Chứng khoán kinh doanh	121		1.163.492.000	1.163.492.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(930.793.600)	(835.598.800)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		370.000.000	1.479.940.800
III. Các khoản phải thu - ngắn hạn	130		454.354.879.586	452.127.189.752
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	178.538.767.988	190.707.044.568
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		148.988.553.502	174.949.955.561
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		11.707.346.480	11.707.346.480
Phải thu ngắn hạn khác	136		120.283.646.983	79.926.278.510
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(5.163.435.367)	(5.163.435.367)
IV. Hàng tồn kho	140	6	348.177.896.513	325.402.145.729
Hàng tồn kho	141		348.227.738.419	325.451.987.635
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(49.841.906)	(49.841.906)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		355.947.152	1.661.769.523
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		282.987.745	347.713.616
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		72.959.407	1.314.055.907
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		577.465.723.470	481.827.698.901
I. Các khoản phải thu - dài hạn	210		80.506.167.000	78.506.167.000
Phải thu dài hạn khác	216		80.506.167.000	78.506.167.000
II. Tài sản cố định	220		36.495.771.371	41.201.744.745
Tài sản cố định hữu hình	221	7	36.433.709.979	41.114.294.605
<i>Nguyên giá</i>	222		93.418.893.673	95.667.349.904
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(56.985.183.694)	(54.553.055.299)
Tài sản cố định vô hình	227		62.061.392	87.450.140
<i>Nguyên giá</i>	228		141.555.000	141.555.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(79.493.608)	(54.104.860)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		155.681.071.152	56.571.104.503
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		135.405.388.939	40.174.684.467
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		20.275.682.213	16.396.420.036
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		222.295.044.808	220.773.545.359
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	8	8.581.679.449	7.060.180.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	9	122.086.089.102	122.086.089.102
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	10	91.627.276.257	91.627.276.257
VI. Tài sản dài hạn khác	260		82.487.669.139	84.775.137.294
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	80.244.311.147	83.301.985.820
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.243.357.992	1.473.151.474
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.400.847.017.907	1.278.419.717.210

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2016	01/01/2016
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.197.128.627.156	1.067.794.251.705
I. Nợ ngắn hạn	310		1.009.557.596.508	963.618.607.401
Phải trả người bán ngắn hạn	311		156.257.985.361	183.216.292.537
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		199.769.707.344	201.130.883.602
Các khoản thuế phải nộp Nhà nước	313	12	17.198.617.559	32.016.149.555
Phải trả người lao động	314		4.325.476.104	7.461.867.143
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		7.569.555.457	7.424.376.242
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	13	344.972.014.281	244.158.887.928
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14	278.769.898.707	287.515.808.699
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		694.341.695	694.341.695
II. Nợ dài hạn	330		187.571.030.648	104.175.644.304
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		103.661.480.580	4.317.854.548
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	15	81.965.660.818	85.794.275.506
Phải trả dài hạn khác	337		-	12.870.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		1.851.200.000	1.100.825.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342		92.689.250	92.689.250
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		203.718.390.751	210.625.465.505
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	203.718.390.751	210.625.465.505
Vốn góp của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	300.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		300.000.000.000	300.000.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	411b			
Thặng dư vốn cổ phần	412		15.069.800.000	15.069.800.000
Quỹ đầu tư và phát triển	418		4.919.394.260	4.732.635.191
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.123.204.630	1.123.204.630
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(161.573.352.171)	(126.769.290.287)
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		(127.146.936.069)	(132.879.182.902)
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		(34.426.416.102)	6.109.892.615
Lợi ích cổ đông thiểu số			44.179.344.032	16.469.115.971
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.400.847.017.907	1.278.419.717.210

Ngày 19 tháng 10 năm 2016

Người lập



Nguyễn Thị Hạnh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Kim Hạnh

P. Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Thịnh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý III và 9 tháng đầu năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế		Quý III	
			Năm 2016	Năm 2015	Quý III/2016	Quý III/2015
1. Tổng doanh thu	01	17	71.534.310.016	228.176.157.098	22.281.533.996	38.576.343.758
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		705.477.452	-	247.011.914	-
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		70.828.832.564	228.176.157.098	22.034.522.082	38.576.343.758
3. Giá vốn hàng bán	11	18	66.725.707.296	203.152.204.256	23.056.918.334	34.870.893.418
4. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.103.125.268	25.023.952.842	(1.022.396.252)	3.705.450.340
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	5.373.352.902	5.461.711.321	1.797.362.398	1.832.906.821
6. Chi phí tài chính	22	20	22.987.314.068	31.527.789.526	7.592.628.582	14.307.994.989
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		22.792.119.268	26.076.822.726	7.492.628.582	8.941.645.789
7. Chi phí bán hàng	25		1.504.599.308	1.347.166.303	469.601.580	581.024.480
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	16.287.849.598	17.283.086.115	6.044.060.342	7.573.937.447
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(31.303.284.804)	(19.672.377.781)	(13.331.324.358)	(16.924.599.755)
10. Thu nhập khác	31	22	605.010.753	487.050.392	254.158.081	21.960.401
11. Chi phí khác	32	23	4.090.280.662	1.150.326.836	1.858.013.830	327.021.169
12. Lợi nhuận khác	40		(3.485.269.909)	(663.276.444)	(1.603.855.749)	(305.060.768)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(34.788.554.713)	(20.335.654.225)	(14.935.180.107)	(17.229.660.523)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	64.335.549	1.919.759.830	708.838.417	194.874.601
15. Chi phí thuế TNDN - hoãn lại	52	25	(748.132.558)	(495.038.446)	(550.895.706)	(104.360.970)
16. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	60		(34.104.757.704)	(21.760.375.609)	(15.093.122.818)	(17.320.174.154)
Lợi nhuận của cổ đông thiểu số			321.658.398	(1.481.330.101)	568.988.188	(1.071.840.573)
Lợi nhuận của chủ sở hữu			(34.426.416.102)	(20.279.045.508)	(15.662.111.006)	(16.248.333.581)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(1.148)	(676)	(522)	(542)

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hạnh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Kim Hạnh



Nguyễn Đức Thịnh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý III và 9 tháng đầu năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế		Quý III	
			Năm 2016	Năm 2015	Quý III/2016	Quý III/2015
1. Tổng doanh thu	01	17	71.534.310.016	228.176.157.098	22.281.533.996	38.576.343.758
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		705.477.452	-	247.011.914	-
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		70.828.832.564	228.176.157.098	22.034.522.082	38.576.343.758
3. Giá vốn hàng bán	11	18	66.725.707.296	203.152.204.256	23.056.918.334	34.870.893.418
4. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.103.125.268	25.023.952.842	(1.022.396.252)	3.705.450.340
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	5.373.352.902	5.461.711.321	1.797.362.398	1.832.906.821
6. Chi phí tài chính	22	20	22.987.314.068	31.527.789.526	7.592.628.582	14.307.994.989
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		22.792.119.268	26.076.822.726	7.492.628.582	8.941.645.789
7. Chi phí bán hàng	25		1.504.599.308	1.347.166.303	469.601.580	581.024.480
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	16.287.849.598	17.283.086.115	6.044.060.342	7.573.937.447
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(31.303.284.804)	(19.672.377.781)	(13.331.324.358)	(16.924.599.755)
10. Thu nhập khác	31	22	605.010.753	487.050.392	254.158.081	21.960.401
11. Chi phí khác	32	23	4.090.280.662	1.150.326.836	1.858.013.830	327.021.169
12. Lợi nhuận khác	40		(3.485.269.909)	(663.276.444)	(1.603.855.749)	(305.060.768)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(34.788.554.713)	(20.335.654.225)	(14.935.180.107)	(17.229.660.523)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	64.335.549	1.919.759.830	708.838.417	194.874.601
15. Chi phí thuế TNDN - hoãn lại	52	25	(748.132.558)	(495.038.446)	(550.895.706)	(104.360.970)
16. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	60		(34.104.757.704)	(21.760.375.609)	(15.093.122.818)	(17.320.174.154)
Lợi nhuận của cổ đông thiểu số			321.658.398	(1.481.330.101)	568.988.188	(1.071.840.573)
Lợi nhuận của chủ sở hữu			(34.426.416.102)	(20.279.045.508)	(15.662.111.006)	(16.248.333.581)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(1.148)	(676)	(522)	(542)

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hạnh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Kim Hạnh



Nguyễn Đức Thịnh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 09 năm 2016

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ ngày 01/01/2016 đến 30/09/2016	Lũy kế từ ngày 01/01/2015 đến 30/09/2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(34.788.554.713)	(20.335.654.225)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định & BĐSĐT	02	5.529.903.427	6.661.235.267
Các khoản dự phòng	03	95.194.800	200.966.800
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.501.134.991)	(32.508.378)
Chi phí lãi vay	06	22.792.119.268	26.076.822.726
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(10.872.472.209)	12.570.862.190
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	982.486.895	(37.782.876.615)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(22.775.750.784)	52.701.029.911
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay và thuế thu nhập doanh nghiệp)	11	165.831.865.990	(25.949.113.946)
(Tăng) chi phí trả trước	12	2.287.468.155	3.775.979.244
Lãi vay đã trả	14	(1.427.048.637)	(1.027.413.171)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.858.537.702)	(5.456.162.500)
Thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(30.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	126.168.011.708	(1.197.694.887)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(114.933.123.130)	(17.675.220.641)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.309.000.000	15.750.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(6.646.400.800)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.479.940.800	63.543.150
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.891.499.449)	-
Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	159.998.544	317.404.393
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(113.875.683.235)	(8.190.673.898)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	60.446.465.643	21.267.999.783
Tiền trả nợ gốc vay	34	(68.442.000.635)	(48.951.119.671)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	40	(7.995.534.992)	(27.683.119.888)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	4.296.793.481	(37.071.488.673)
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ	60	15.593.079.305	44.286.096.843
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	19.889.872.786	7.214.608.170

Ngày 19 tháng 10 năm 2016

Người lập



Nguyễn Thị Hạnh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Kim Hạnh

P. Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Thịnh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX-PVC THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vinaconex - PVC (“Công ty”) là công ty cổ phần được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0103015409 ngày 15/01/2007, Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất ngày 03/06/2016. Vốn điều lệ của Công ty là 300 tỷ đồng tương ứng với 30 triệu cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là PVV.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty

- Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, các công trình điện đến 35KV, trang trí nội thất, ngoại thất các công trình;
- San lấp mặt bằng, xử lý nền móng công trình;
- Sản xuất, lắp ráp, mua bán ô tô và máy móc, thiết bị phụ tùng thay thế;
- Sản xuất, lắp ráp mua bán dụng cụ, công cụ, thiết bị hỗ trợ, cứu nạn;
- Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng ô tô, cho thuê xe;
- Trồng và bán cây xanh;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng ô tô;
- Sản xuất, mua bán, cho thuê máy móc thiết bị, vật tư vật liệu ngành xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản; kinh doanh nhà hàng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Đối với hoạt động xây lắp, chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 1, Tòa nhà CT2A, Khu đô thị mới Cổ Nhuế, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX-PVC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Công ty có các công ty con như sau:

Công ty con	Địa chỉ	Vốn góp	Tỷ lệ
		30/09/2016	sở hữu
Công ty cổ phần Xây dựng dân dụng công nghiệp PVV	Tòa nhà CT2A, Khu đô thị mới Cổ Nhuế, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	38.660.000.000	77,32%
Công ty Cổ phần XNK Xây dựng Đông Thành	Km 17, Quốc lộ 32, cụm 10, xã Tân Lập, Huyện Đan Phượng, Hà Nội	84.700.000.000	93,38%
Công ty Cổ phần Khai thác đá Thừa Thiên Huế	Số 323 Bùi Thị Xuân, Thành Phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế	4.656.000.000	36,54%
Công ty TNHH BOT Giao thông Vận tải Sài Gòn	Số 19 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP Hồ Chí Minh	5.600.000.000	100%
Công ty TNHH Giáo dục Waldorf Hà Nội	Lô CT2, KĐT mới Cổ Nhuế, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	2.600.000.000	83,87%
Công ty Cổ phần Đầu tư PVV Tứ Hiệp	Tầng 1, tòa nhà CT2A, Khu ĐTM Cổ Nhuế, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	2.060.193.000	62,93%
Công ty CP Đầu tư phát triển hạ tầng và Bất động sản Rồng Việt	Số 19 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP Hồ Chí Minh	28.000.000.000	100,00%

Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty Cổ phần khai thác Thừa Thiên Huế đồng nghĩa với việc Công ty có quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Khai thác Đá Thừa Thiên Huế. Do đó khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Khai thác đá Thừa Thiên Huế được theo dõi là khoản đầu tư vào Công ty con trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX-PVC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Chuyển đổi ngoại tệ

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh hoặc tỷ giá ghi sổ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX-PVC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng, xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX-PVC THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX-PVC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng đầu tư. Dự phòng của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX-PVC THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX-PVC THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	Năm
Máy móc, thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị văn phòng	04 - 07

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí thuê văn phòng trả trước; giá trị công cụ dụng cụ, linh kiện loại nhỏ xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ 1 năm trở lên; chi phí trả trước để được chuyển giao quyền sử dụng các nhãn hiệu hàng hóa của Vinaconex theo hợp đồng Li-xăng ký giữa hai bên.

Chi phí trả trước tiền thuê văn phòng tại Tầng 12 - Tòa nhà Vinaconex 9 - Đường Phạm Hùng - Từ Liêm - Hà Nội được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh tương ứng với thời hạn thuê 46 năm.

Chi phí trả trước để nhận chuyển giao quyền sử dụng các nhãn hiệu hàng hóa của Vinaconex được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ phù hợp với thời gian chuyển giao theo hợp đồng là 20 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX-PVC THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chi phí trả trước của Công trình Tạp chí Cộng sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng thời gian phân bổ doanh thu khai thác công trình trong thời gian 20 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận sau khi bất động sản đã được xây dựng hoàn tất, phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến bất động sản đã được chuyển giao sang người mua theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

Việc ghi nhận doanh thu bán bất động sản phải đảm bảo thoả mãn đồng thời 5 điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX-PVC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện của hoạt động kinh doanh bất động sản được ghi nhận theo tiến độ thu tiền trong các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà ở theo hướng dẫn tại Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ khi phát sinh trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng để hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa hình thành nguyên giá của tài sản đó. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng trong thời gian quá trình đầu tư, sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu và cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào trạng thái sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

Tất cả chi phí lãi vay khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi các chi phí này phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX-PVC THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với công ty bao gồm cả Công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>30/09/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tiền mặt	780.852.834	1.637.743.547
Tiền gửi ngân hàng	19.109.019.952	11.955.335.758
Các khoản tương đương tiền	-	2.000.000.000
Cộng	<u>19.889.872.786</u>	<u>15.593.079.305</u>

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng thương mại

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX-PVC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

4. Đầu tư tài chính ngắn hạn

Chứng khoán kinh doanh

	30/09/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu PVX						
+ Về số lượng	105.772	-	-	105.772	-	-
+ Về giá trị	1.163.492.000	232.698.400	930.793.600	1.163.492.000	327.893.200	835.598.800

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/09/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	370.000.000	370.000.000	1.479.940.800	1.479.940.800

5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/09/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty CP Đầu tư và Kỹ thuật Vinaconex	15.900.894.471	21.145.121.048
Công ty CP Xây lắp dầu khí Thanh Hóa	50.551.642.770	50.551.642.770
CN Hà Tây, Công ty CP Tập đoàn Nam Cường Hà Nội	28.357.635.855	28.357.635.855
Tổng công ty CP XNK và Xây dựng Việt Nam	-	12.593.469.972
CN Xây lắp công trình dầu khí phía Bắc - TCT CP XL DK Việt Nam	2.317.414.400	1.407.640.900
Các khoản phải thu khách hàng khác	81.411.180.492	76.651.534.023
	178.538.767.988	190.707.044.568

6. Hàng tồn kho

	30/09/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	459.031.977	-	2.065.701.811	-
Công cụ, dụng cụ	463.018.721	-	467.151.999	-
CP sản xuất kinh doanh dở dang	246.805.733.764	-	224.888.088.200	-
Thành phẩm	100.435.593.940	49.841.906	98.030.785.625	49.841.906
Hàng hoá	64.360.017	-	260.000	-
Cộng	348.227.738.419	49.841.906	325.451.987.635	49.841.906

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX-PVC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	TSCĐ khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2016	4.391.372.240	85.248.272.680	683.700.888	4.938.501.910	405.502.186	95.667.349.904
Mua trong năm	-	1.239.090.910	-	-	-	1.239.090.910
Tăng khác		794.881.819				794.881.819
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.282.428.960)	-	-	-	(4.282.428.960)
Tại ngày 30/09/2016	4.391.372.240	82.999.816.449	683.700.888	4.938.501.910	405.502.186	93.418.893.673
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2016	2.520.966.961	48.776.957.797	457.230.386	2.392.397.969	405.502.186	54.553.055.299
Khấu hao trong năm	-	5.181.568.804	9.963.513	312.982.362	-	5.504.514.679
Tăng khác		337.824.765				
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.410.211.049)	-	-	-	(1.454.491.388)
Tại ngày 30/09/2016	2.520.966.961	50.886.140.317	467.193.899	2.705.380.331	405.502.186	56.985.183.694
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2016	1.870.405.279	36.471.314.883	226.470.502	2.546.103.941	-	41.114.294.605
Tại ngày 30/09/2016	1.870.405.279	32.113.676.132	216.506.989	2.233.121.579	-	36.433.709.979

8. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	30/09/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty CP BOT Bắc Bình Định Việt Nam	7.060.180.000	-	7.060.180.000	7.060.180.000	-	7.060.180.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX-PVC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

9. Đầu tư vào đơn vị khác

	30/09/2016			01/01/2016		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
- Công ty CP Đầu tư xây lắp Dầu khí IMICO	101.926.729.102	-	101.926.729.102	101.926.729.102	-	101.926.729.102
Công ty TNHH Thành Phố Xanh	20.000.000.000	-	20.000.000.000	20.000.000.000	-	20.000.000.000
Đầu tư vào đơn vị khác	159.360.000	-	159.360.000	159.360.000	-	159.360.000
Tổng	122.086.089.102	-	122.086.089.102	122.086.089.102	-	122.086.089.102

10. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/09/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Công ty CP Đầu tư Khoáng sản Bắc Trung Bộ	91.627.276.257	91.627.276.257	91.627.276.257	91.627.276.257

Khoản ủy thác vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư khoáng sản Bắc Trung Bộ theo Hợp đồng ủy thác số 3010/2013/UTQLV/FIT ngày 30/10/2013 với mức lợi tức ủy thác 7,5%/năm.

11. Chi phí trả trước dài hạn

	30/09/2016	01/01/2016
	VND	VND
Thuê văn phòng	9.012.743.524	9.181.804.834
Thương hiệu	3.740.342.467	3.965.342.467
Chi phí đầu tư công trình Tạp chí cộng sản	58.406.904.295	61.311.747.985
Chi phí trả trước dài hạn khác	9.084.320.861	8.843.090.534
Cộng	80.244.311.147	83.301.985.820

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX-PVC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Chi phí đầu tư công trình Tạp chí Cộng sản theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Tạp chí Cộng sản, theo đó hai bên cùng nhau hợp tác kinh doanh dưới hình thức Công ty thực hiện xây dựng tòa nhà tại vị trí Văn phòng Tạp chí Cộng sản phía Nam và được phép kinh doanh trong vòng 20 năm (sau khi bàn giao một tầng hầm và một lầu cho Tạp chí Cộng sản). Theo đó, sau khi công trình xây dựng hoàn thành, Công ty cho đối tác khác thuê lại với thời gian 20 năm và ghi nhận chi phí xây dựng tòa nhà là chi phí trả trước dài hạn và phân bổ trong 20 năm tương ứng với thời gian phân bổ doanh thu đã ghi nhận trước. Thời gian phân bổ bắt đầu từ ngày 01/07/2011.

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	30/09/2016
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	13.512.410.612	8.840.051.009	14.036.076.928	8.316.384.693
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.604.148.214	64.335.549	6.960.642.615	3.707.841.148
Thuế thu nhập cá nhân	1.073.329.001	308.000.776	416.100.793	965.228.984
Thuế tài nguyên	1.302.543.719	1.437.962.042	2.718.507.837	21.997.924
Thuế khác	5.523.718.009	1.533.904.782	2.870.457.981	4.187.164.810
Cộng	32.016.149.555	12.184.254.158	27.001.786.154	17.198.617.559

13. Phải trả ngắn hạn khác

	30/09/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	815.887.465	1.372.600.086
- BHXH, BHYT, BHTN	4.469.840.312	3.581.267.075
- Lãi vay phải trả	156.604.181.219	135.802.603.991
- Cổ tức	5.180.220.476	7.977.081.976
- Ngân hàng TMCP Đại Dương	80.000.000.000	80.000.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	97.985.884.809	15.425.334.800
Cộng	345.056.014.281	244.158.887.928

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX-PVC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/09/2016	01/01/2016
	Giá trị	Giá trị
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Quốc tế	69.863.237.819	78.863.237.819
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	46.479.047.927	52.888.047.927
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Kỳ	4.820.000.000	6.550.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Dương	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty CP ĐT & PT Long Trung Sơn	1.595.540.000	1.595.540.000
Ngân hàng khác	19.688.383.879	14.491.779.638
Vay cá nhân	15.264.359.433	11.828.799.433
Nợ dài hạn đến hạn trả	119.059.329.649	124.298.403.882
Cộng	278.769.898.707	287.515.808.699

- (1) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quốc tế (VIB) - Hội sở chính, theo Hợp đồng tín dụng số 2782/HĐTĐ2-VIB08/11 ngày 15/08/2011 và các phụ lục kèm theo với hạn mức là 100 tỷ đồng, thời hạn vay không quá 12 tháng. Lãi suất vay do Ngân hàng quy định tại từng thời điểm. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành trong tương lai theo hợp đồng thế chấp tài sản số 2782.02/2013/ĐB ngày 08/03/2013. Công ty đã làm việc với Ngân hàng để có tiến trình trả nợ cụ thể.
- (2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam được chuyển đổi từ khoản vay của Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam trước đây, bao gồm các khoản vay bổ sung vốn lưu động, vay mua máy móc thiết bị.
- (3) Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Tập đoàn Thế Kỳ theo Hợp đồng vay vốn ngày 02/08/2010. Trong năm 2014, Công ty đã ký phụ lục theo đó kể từ ngày 03/07/2013 trở đi Công ty không phải trả tiền lãi vay cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Thế Kỳ.

15. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	30/09/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền cho thuê văn phòng tại Tòa nhà Tạp chí Cộng sản (1)	74.020.206.268	77.700.769.009
Tiền cho thuê văn phòng tại tòa nhà Vinaconex 9 (2)	7.945.454.550	8.093.506.497
Cộng	81.965.660.818	85.794.275.506

- (1) Số tiền thu được từ việc cho đối tác thuê văn phòng tại Tòa nhà Cơ quan thường trực Công trình Tạp chí Cộng sản theo Hợp đồng số 03/PVFC-PVC VINACONEX ngày 10/12/2010. Theo đó, doanh thu được ghi nhận từng kỳ tương ứng với thời gian cho thuê văn phòng của công trình là 20 năm kể từ ngày 01/07/2011
- (2) Số tiền thu được từ việc cho đối tác thuê văn phòng tại tầng 12 tòa nhà Vinaconex 9, theo hợp đồng số 03/2013 ngày 18/03/2013. Doanh thu được ghi nhận từng thời kỳ tương ứng với thời gian thuê còn lại của Công ty là 43 năm kể từ ngày 18/03/2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX-PVC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

16. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Quỹ đầu tư và phát triển		LNST chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Tại ngày 01/01/2015	300.000.000.000	15.073.077.120	1.123.204.630	4.678.027.845	188.739.923.096	-	-	6.109.919.690	6.109.919.690		
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	-	54.607.346	(76.471.265)	(21.863.919)	
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	(668.352.213)	(671.629.333)	
Giảm khác	-	(3.277.120)									
Tại ngày 01/01/2016	300.000.000.000	15.069.800.000	1.123.204.630	4.732.635.191	194.156.349.534			4.732.635.191	(126.769.290.287)	194.156.349.534	
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	(34.450.438.109)	(34.450.438.109)	
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	186.759.069	(377.645.783)	(377.645.783)	
Tại ngày 30/09/2016	300.000.000.000	15.069.800.000	1.123.204.630	4.919.394.260	159.515.024.712			4.919.394.260	(161.597.374.178)	159.515.024.712	

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX-PVC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cổ phiếu

	<u>30/09/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.000.000	-
- Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu (đồng)	10.000	10.000

17. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ 9 tháng đầu năm

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Doanh thu hợp đồng xây dựng	25.964.685.667	74.104.294.846
Doanh thu kinh doanh bất động sản	3.527.256.371	86.586.126.980
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	42.042.367.978	67.485.735.272
Cộng	71.534.310.016	228.176.157.098

18. Giá vốn hàng bán 9 tháng đầu năm

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Giá vốn hợp đồng xây dựng	30.166.691.483	74.412.244.449
Giá vốn kinh doanh bất động sản	2.812.762.887	77.073.454.294
Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	33.746.252.926	51.666.505.513
Cộng	66.725.707.296	203.152.204.256

19. Doanh thu hoạt động tài chính 9 tháng đầu năm

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	142.962.548	250.409.983
Lợi tức ủy thác	5.230.390.354	5.211.301.338
Cộng	5.373.352.902	5.461.711.321

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX-PVC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

20. Chi phí tài chính 9 tháng đầu năm

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	22.792.119.268	26.076.822.726
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư		5.250.000.000
Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá chứng khoán kinh doanh	95.194.800	200.966.800
Chi phí tài chính khác	100.000.000	
Cộng	22.987.314.068	31.527.789.526

21. Chi phí quản lý doanh nghiệp 9 tháng đầu năm

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	10.260.768.255	7.619.645.005
Chi phí khấu hao tài sản cố định	520.932.065	1.599.939.984
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.846.237.859	1.332.865.182
Chi phí bằng tiền khác	2.605.800.656	2.324.045.801
Chi phí quản lý khác	1.085.179.059	4.406.590.143
Cộng	16.318.917.894	17.283.086.115

22. Thu nhập khác 9 tháng đầu năm

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	317.782.088	118.302.512
Tiền phạt thu được	23.000.000	50.000.000
Các khoản khác	264.228.665	318.747.880
Cộng	605.010.753	487.050.392

23. Chi phí khác 9 tháng đầu năm

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Truy thu thuế theo quyết định thanh tra thuế	1.004.255.875	
Các khoản khác	3.086.024.787	1.150.326.836
Cộng	4.090.280.662	1.150.326.836

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VINACONEX-PVC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành 9 tháng đầu năm

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	64.335.549	1.919.759.830
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	64.335.549	1.919.759.830

25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại 9 tháng đầu năm

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ doanh thu chưa thực hiện trong năm	748.132.558	495.038.446
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	748.132.558	495.038.446

Ngày 19 tháng 10 năm 2016

Người lập



Nguyễn Thị Hạnh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Kim Hạnh

P. Tổng giám đốc



Nguyễn Đức Thịnh

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VINACONEX-PVC**

Số: 478/VN- PVC/CBTT
V/v: Công bố thông tin và giải trình BCTC
hợp nhất quý 3 năm 2016

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2016

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex – PVC
2. Mã chứng khoán: PVV
3. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1, Tòa nhà CT2A, KĐT mới Cổ Nhuế, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, TP.Hà Nội
4. Điện thoại: (04) 3 787 5938 Fax: (04) 3 787 5937
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Vũ Thành Kiên – Tổng giám đốc
6. Nội dung công bố thông tin:

6.1 Báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 năm 2016 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex – PVC được lập ngày 19/10/2016, bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.

6.2 Nội dung giải trình kết quả kinh doanh hợp nhất quý 3/2016 lỗi:

Liên quan đến số liệu về kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất quý 3/2016 trên Báo cáo tài chính lỗi, Công ty xin giải trình với Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội như sau:

Nội dung	Quý 3/2016	Quý 3/2015	Chênh lệch	% tăng trưởng
Doanh thu thuần	22.281.533.996	38.576.343.758	(16.294.809.762)	-42%
Lợi nhuận trước thuế	(13.331.324.358)	(16.924.599.755)	3.5963.275.397	21%
Lợi nhuận sau thuế	(14.935.180.107)	(17.229.660.523)	2.294.480.416	13%

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất quý 3 năm 2016 lỗi nguyên nhân chủ yếu là do:

- Trong quý 3/2016 doanh thu công ty tiếp tục giảm chỉ đạt 22.281.533.996 đồng, giá vốn hàng bán tăng.
- Chi phí tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo tài chính: pvv.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TCKT.

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT



Vũ Thành Kiên